Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 504 /2024/BC-QTRR	*Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2024*

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/05/2024 đến 31/05/2024 năm 2024 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACL			ACL
4	AGG			AGG
5	AGR			AGR
6	ANV			ANV
7	APG			APG
8	ASM			ASM
9	AST			AST
10	BAF			BAF
11	BCG			BCG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	BCM			BCM
13	BFC			BFC
14	BIC			BIC
15	BID			BID
16	BMC			BMC
17	BMI			BMI
18	BMP			BMP
19	BSI			BSI
20	BTP			BTP
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	CII			CII
24	CLC			CLC
25	CLL			CLL
26	CMG			CMG
27	CMX			CMX
28	CNG			CNG
29	CSM			CSM
30	CSV			CSV
31	CTD			CTD
32	CTG			CTG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CTI			CTI
34	CTR			CTR
35	CTS			CTS
36	CVT			CVT
37	D2D			D2D
38	DBC			DBC
39	DBD			DBD
40	DCL			DCL
41	DCM			DCM
42	DGC			DGC
43	DGW			DGW
44	DHA			DHA
45	DHC			DHC
46	DHG			DHG
47	DIG			DIG
48	DPG			DPG
49	DPM			DPM
50	DPR			DPR
51	DRC			DRC
52	DVP			DVP
53	DXG			DXG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	EIB			EIB
55	ELC			ELC
56	EVE			EVE
57	EVF			EVF
58	FMC			FMC
59	FPT			FPT
60	FTS			FTS
61	GAS			GAS
62	GDT			GDT
63	GEG			GEG
64	GEX			GEX
65	GIL			GIL
66	GMD			GMD
67	GVR			GVR
68	HAH			HAH
69	HAX			HAX
70	HCM			HCM
71	HDB			HDB
72	HDC			HDC
73	HDG			HDG
74	HHS			HHS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	HHV			HHV
76	HII			HII
77	HPG			HPG
78	HSG			HSG
79	HT1			HT1
80	HTI			HTI
81	HTN			HTN
82	HVH			HVH
83	IDI			IDI
84	IJC			IJC
85	ILB			ILB
86	IMP			IMP
87	ITC			ITC
88	KBC			KBC
89	KDC			KDC
90	KDH			KDH
91	KHG			KHG
92	KSB			KSB
93	LCG			LCG
94	LHG			LHG
95	LIX			LIX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	LPB			LPB
97	LSS			LSS
98	MBB			MBB
99	MIG			MIG
100	MSB			MSB
101	MSH			MSH
102	MSN			MSN
103	MWG			MWG
104	NAF			NAF
105	NBB			NBB
106	NCT			NCT
107	NHA			NHA
108	NKG			NKG
109	NLG			NLG
110	NNC			NNC
111	NSC			NSC
112	NT2			NT2
113	NTL			NTL
114	NVL			NVL
115	OCB			OCB
116	ORS			ORS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	PAC			PAC
118	PAN			PAN
119	PC1			PC1
120	PDR			PDR
121	PET			PET
122	PGC			PGC
123	PGD			PGD
124	PHC			PHC
125	PHR			PHR
126	PLP			PLP
127	PLX			PLX
128	PNJ			PNJ
129	POW			POW
130	PPC			PPC
131	PVD			PVD
132	PVT			PVT
133	RAL			RAL
134	REE			REE
135	SAB			SAB
136	SAM			SAM
137	SBT			SBT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	SCR			SCR
139	SCS			SCS
140	SFG			SFG
141	SFI			SFI
142	SGN			SGN
143	SHB			SHB
144	SHI			SHI
145	SJS			SJS
146	SKG			SKG
147	SRC			SRC
148	SSB			SSB
149	SSI			SSI
150	STB			STB
151	STK			STK
152	SVC			SVC
153	SZC			SZC
154	SZL			SZL
155	TCB			TCB
156	TCD			TCD
157	TCH			TCH
158	TCL			TCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	TCM			TCM
160	TDM			TDM
161	TDP			TDP
162	THG			THG
163	TIP			TIP
164	TLG			TLG
165	TLH			TLH
166	TMS			TMS
167	TNH			TNH
168	TPB			TPB
169	TRA			TRA
170	TRC			TRC
171	TTA			TTA
172	TV2			TV2
173	TYA			TYA
174	VCB			VCB
175	VCG			VCG
176	VCI			VCI
177	VDS			VDS
178	VGC			VGC
179	VHC			VHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	VHM			VHM
181	VIB			VIB
182	VIC			VIC
183	VIP			VIP
184	VIX			VIX
185	VJC			VJC
186	VNM			VNM
187	VPB			VPB
188	VPG			VPG
189	VPI			VPI
190	VRE			VRE
191	VSC			VSC
192	VSH			VSH
193	VTO			VTO

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
3	CEO			CEO
4	CSC			CSC
5	DHT			DHT
6	DNP			DNP
7	DTD			DTD
8	DXP			DXP
9	HLD			HLD
10	HUT			HUT
11	IDC			IDC
12	IDV			IDV
13	IPA			IPA
14	L14			L14
15	LAS			LAS
16	LHC			LHC
17	MBS			MBS
18	NBC			NBC
19	NET			NET
20	NTP			NTP
21	PGS			PGS
22	PLC			PLC
23	PSD			PSD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
24	PTI			PTI
25	PVB			PVB
26	PVC			PVC
27	PVI			PVI
28	PVS			PVS
29	S99			S99
30	SHS			SHS
31	SLS			SLS
32	TDT			TDT
33	TIG			TIG
34	TNG			TNG
35	TPP			TPP
36	TVD			TVD
37	VC3			VC3
38	VCS			VCS
39	VGS			VGS
40	VNR			VNR

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:
https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập	Người duyệt	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Liên	*Nguyễn Lê Nam*	*Nguyễn Vũ Long*